TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGŨ HÀNH SƠN** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự Do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30/8/2023
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGŨ HÀNH SƠN, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Trâm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Tuấn Ngọc**

Ông **Mai Văn Ba**

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị Quỳnh Trang** - Thư ký TAND quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn tham gia phiên tòa: Ông **Trần Văn Đức**- Kiểm sát viên.

Ngày 30/8/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 30/2023/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30A/2023/QĐST- HNGĐ ngày 14/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Mỹ L**, sinh năm 1988 - Địa chỉ: 17 đường Đ, tổ 11, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Có mặt*

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Công H**, sinh năm 1983 - Địa chỉ: 17 đường Đ, tổ 11, phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng. *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Phạm Thị Mỹ L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Mỹ L và ông Nguyễn Công H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống tại tổ 11 phường H, quận N, Tp Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích nhau. Ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà L đối với ông Nguyễn Công H không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Công H.

- Về quan hệ con chung: Bà Phạm Thị Mỹ L xác định có 01 con chung là Nguyễn Công N - Sinh ngày: 27/09/2016. Ly hôn bà L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con Nguyễn Công N và yêu cầu ông Nguyễn Công H cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng.

- Về quan hệ tài sản chung: Bà Phạm Thị Mỹ L xác định không có.

- Về nợ chung: Bà Phạm Thị Mỹ L xác định không có.

****** *Đối với bị đơn – ông Nguyễn Công H*: mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông Nguyễn Công H đều vắng mặt và không có ý kiến phản hồi nên không ghi nhận được ý kiến của ông về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án. Theo đó, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng pháp luật, riêng bị đơn ông Nguyễn Công H không chấp hành triệu tập của Tòa án, chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ngũ Hành Sơn đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Công H.

- Về quan hệ con chung: Áp dụng điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình giao 01 con chung là: Nguyễn Công N - Sinh ngày: 27/09/2016 cho bà L được trực tiếp nuôi dưỡng và yêu cầu ông Nguyễn Công H cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Mỹ L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông Nguyễn Công H vắng mặt nên để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] **Về thủ tục:** Đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Mỹ L nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Công H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng ông Nguyễn Công H vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] **Về nội dung:** Bà Phạm Thị Mỹ L và ông Nguyễn Công H đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam theo giấy chứng nhận kết hôn số: 67 cấp ngày 03/12/2014. Hôn nhân tự nguyện, có thời gian tìm hiểu nhau. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng ông bà sống tại tổ 11 phường H, quận N, Tp Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên cãi vã, xích mích nhau. Ông bà đã sống ly thân hơn 01 năm nay, không ai quan tâm đến ai. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm của bà L đối với ông Nguyễn Công H không còn, do đó bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Công H.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Công H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa bà Phạm Thị Mỹ L và ông Nguyễn Công H lại không làm được điều này. Về phía ông Nguyễn Công H, Tòa án đã tạo điều kiện nhiều lần để vợ chồng hòa giải mâu thuẫn, trở về đoàn tụ chung sống với nhau nhưng ông Nguyễn Công H đều vắng mặt tại các phiên hòa giải. Việc này cho thấy ông Nguyễn Công H không tôn trọng Tòa án và thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có thiện chí níu kéo mối quan hệ hôn nhân của mình. Xét thấy, mâu thuẫn của bà Phạm Thị Mỹ L và ông Nguyễn Công H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Công H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị Mỹ L xác định bà và ông Nguyễn Công H có 01 con chung là: Nguyễn Công N - Sinh ngày: 27/09/2016. Ly hôn bà L có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu ông Nguyễn Công H cấp dưỡng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Xét yêu cầu của bà L về việc xin được nuôi con chung thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển toàn diện của con cả về thể chất lẫn tinh thần. Hiện tại, con chung đang được bà L nuôi dưỡng, chăm sóc nên cần tiếp tục giao con chung cho bà Lệ trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với tình hình thực tế, nhằm ổn định cuộc sống của con; phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, đây là nghĩa vụ, trách nhiệm của bên không trực tiếp nuôi con sau ly hôn, tuy nhiên mức cấp dưỡng nuôi con còn phải căn cứ vào mức thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của con chung. Tại phiên tòa hôm nay, bà L yêu cầu ông Hùng cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng. HĐXX xét thấy phù hợp với tình hình thực tế và phù hợp với điều 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nghĩ nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Phạm Thị Mỹ L xác định vợ chồng bà không có tài sản chung và nợ chung. Ông Nguyễn Công H vắng mặt nên không

ghi nhận được kiến của ông về vấn đề này. Do vậy, để đảm bảo quyền lợi cho các bên đương sự, HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu các đương sự có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung thì sẽ giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng ông Nguyễn Công H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung* " của bà Phạm Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Công H.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Phạm Thị Mỹ L được ly hôn ông Nguyễn Công H.

Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Mỹ L đối với ông Nguyễn Công H nên giấy chứng nhận kết hôn số 67 do UBND xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp cho bà Phạm Thị Mỹ L và ông Nguyễn Công H ngày 03/12/20174 không còn giá trị pháp lý.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là: Nguyễn Công N - Sinh ngày: 27/09/2016 cho bà Phạm Thị Mỹ L được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Buộc ông Nguyễn Công H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

3. Án phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Phạm Thị Mỹ L phải chịu nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* bà Phạm Thị Mỹ L đã nộp tại biên lai thu số 9599 ngày 12/4/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng. Bà Phạm Thị Mỹ L đã nộp đủ án phí.

4. Án phí cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* ông Nguyễn Công H phải chịu.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Người tham gia tố tụng;*
- *VKSND quận Ngũ Hành Sơn;*
- *Chi cục THADS quận Ngũ Hành Sơn;*
- *UBND xã B, Huyện T, Tỉnh Quảng Nam;*
- *Lưu hồ sơ,*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN THỊ TRÂM